

GIAO THOA NGÔN NGỮ - VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI DẠY VÀ HỌC TIẾNG HÀN

(Trường hợp giao thoa ngôn ngữ ở cấp độ ngữ âm-âm vị học)

Đình Lê Thu

1. Ngôn ngữ trong giảng dạy và học tập.

Các giáo viên dạy ngôn ngữ như là ngôn ngữ thứ hai đối với người học, luôn tìm kiếm câu trả lời cho hai câu hỏi cơ bản:

- (a) Ngôn ngữ nên được xác định như một hệ thống như thế nào để có thể quyết định cần phải dạy cái gì?
- (b) Việc học ngôn ngữ tự bản thân nó có đặc điểm như thế nào?

Sự phát triển trong giảng dạy ngôn ngữ về mặt lịch sử có thể được phân chia thành một số giai đoạn mà chúng ta có thể phân biệt dựa vào mối quan hệ giữa hai câu hỏi trên. Trong những năm đầu thế kỉ 20, giảng dạy ngôn ngữ tập trung vào việc định nghĩa cái gì nên dạy mà không xem xét đến quá trình học thực tế. Nó dựa trên sự tiếp cận văn phạm, dịch thuật. Nó đặt nền tảng trên ngữ văn học và phương pháp so sánh. Vì vậy, các tiếp cận này chú ý chủ yếu đến việc chuyển tải các kết cấu về hình thức của ngôn ngữ được xác định trong sự tham chiếu đến các tiêu chí cổ điển, và việc học được xem như là sự phản ánh của việc dạy.

Sự ra đời của cấu trúc luận trong ngôn ngữ học đồng thời với sự phát triển của tâm lý học hành vi. Với cấu trúc luận, các cấu trúc hình thức của ngôn ngữ được miêu tả một cách độc lập trong các thuật ngữ phân bố nội bộ. Một tiếp cận như vậy trong miêu tả ngôn ngữ học dẫn đến định nghĩa các đơn vị giảng dạy là cấu trúc và mô hình câu đặc trưng của các ngôn ngữ cụ thể. Tâm lý học hành vi về phần mình cung cấp một mẫu hình học tập như là hình thức thói quen có tính kích thích/đáp lại. Trả lời cho hai câu hỏi trên hội tụ trong một phương pháp tiếp cận cung cấp việc thực hành lặp đi lặp lại các cấu trúc để cho các hình thức ngôn ngữ đó sẽ trở thành thói quen.

Noam Chomsky đề ra lý thuyết về cấu trúc ngôn ngữ, một cấu trúc có nhiều tính trừu tượng hơn là sự hiện diện tức thời của các hình thức vật chất. Theo Chomsky, bản chất của ngôn ngữ cần được hiểu gắn liền với bản chất của việc tiếp thu ngôn ngữ. Về việc giảng dạy ngôn ngữ, điều này có ảnh hưởng đến sự tập trung chú ý vào câu hỏi thứ hai, về quá trình học ngôn ngữ, đến các vấn đề liên quan đến việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, xem các phát âm 'sai lệch' của người học không phải như là chứng cứ của sự sai lầm hay là thất bại trong việc học, mà là chứng cứ của các quá trình nhận thức và sáng tạo tiềm ẩn cần thiết cho hoạt động học tập và hình thành nên sự logic có tính phát triển của nó.

Nghiên cứu về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai có những hiệu ứng chung đến việc chuyển sự nhấn mạnh trong ngành sư phạm từ việc dạy sang việc học. Người ta nhận ra rằng việc buộc người học vào trong thói quen theo một mô hình cố định của hành vi được quyết định bởi người dạy có thể ngăn cản việc tiếp thu ngôn ngữ; rằng sự truyền thụ của giáo viên không phải giống y như cái tiếp nhận của người học; và rằng các lỗi được đưa ra không phải chỉ để sửa chữa lại một cách đơn thuần, mà là để đánh giá cẩn thận hơn (các lỗi này) như là các dấu hiệu của sự thụ đắc ngôn ngữ và sự tiến bộ.

Bước tiếp theo chủ yếu của sự phát triển tập trung sự chú ý không phải vào câu hỏi về quá trình học tập, mà vào câu hỏi về ngôn ngữ nên được học như thế nào để nó được định hình. Câu hỏi này được đưa ra dựa trên các ý tưởng trong ngôn ngữ học xã hội, với Dell Hymes và khái niệm NĂNG LỰC GIAO TIẾP (dẫn theo Robert B. Kaplan & Henry G. Widdowson, 1992); từ những nguồn ảnh hưởng này, ngành sư phạm xác định rằng ngôn ngữ cần được dạy trong sự giao tiếp hơn là trong các từ ngữ trình trọng. Điều này tạo ra việc thiết kế các chương trình giảng dạy dựa trên chức năng hơn là trên các cấu trúc văn phạm. Người ta cho rằng các năng lực giao tiếp có thể được phát triển tốt nhất bằng cách sáng tạo ra các hoạt động trong lớp học để thu hút toàn bộ những người học vào trong việc đưa ra ý nghĩa thông qua việc giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, phương pháp giao tiếp có thể phản tác dụng nếu người dạy không xuất phát từ quan điểm của người học, tức là không thực sự quan tâm đến tiến trình học tập và thụ đắc ngôn ngữ hai.

Ở đây một lần nữa sự xem xét hai câu hỏi chính lại hiện về một mối. Trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, gần đây việc nghiên cứu đã đi đến một sự thừa nhận rằng quá trình học tập không phải chỉ đơn giản là vấn đề năng lực nhận thức bẩm sinh, mà là một vấn đề chức năng và các chiến lược mà người học áp dụng trong việc tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ. Quá trình tiếp thu và sử dụng có vẻ như là được kích hoạt bởi cùng một loạt các yếu tố thực tiễn trong tương tác giao tiếp. Như vậy, cách tiếp cận hiện thời xem việc cần phải dạy và học như thế nào cho hiệu quả như là các khía cạnh của cùng một câu hỏi.

2. Tiến trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai và vấn đề giao thoa ngôn ngữ

Học một ngôn ngữ thứ hai (ngôn ngữ đích : L2) có nghĩa là người học sẽ tiếp thu một hệ thống ngôn ngữ mới từ xuất phát điểm của ngôn ngữ mẹ đẻ (ngôn ngữ nguồn : L1). Trong quá trình tiếp nhận và thụ đắc này, người học sẽ lâm thời tạo ra một cấu trúc ngôn ngữ mới, không hoàn toàn giống với L2 nhưng cũng khác với L1. Có thể nói đây là một ngôn ngữ trung gian (L3) với những đặc điểm của L2, trên cơ sở kiến thức ngôn ngữ nền của L1 và các hoạt động ngôn ngữ tâm lý của người học. Quá trình tích lũy thêm kiến thức của ngôn ngữ hai sẽ làm cho hệ thống ngôn ngữ

trung gian (L3) sẽ ngày càng tiệm cận đến ngôn ngữ đích (L2) và người học sẽ giảm dần hiện tượng phạm lỗi.

Hiện tượng giao thoa ngôn ngữ của một cá nhân xuất hiện trong quá trình cá nhân đó sử dụng hai ngôn ngữ. Đó là hiện tượng chệch khỏi chuẩn mực của một ngôn ngữ nào đó (ở đây là L2) trong lời nói của người song ngữ. Hiện tượng chệch chuẩn này do sự ảnh hưởng và xâm nhập lẫn nhau giữa các cấp độ của hai hệ thống ngôn ngữ (âm vị, hình thái, cú pháp, phong cách), đặc biệt là ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ lên ngôn ngữ thứ hai. (Nguyễn Văn Khang, 1999).

Như vậy, hiện tượng giao thoa đóng vai trò quan trọng trong việc thụ đắc ngôn ngữ của người học và cũng là nguyên nhân gây ra các lỗi về ngôn ngữ L2.

Khi dạy và học tiếng Hàn, cần chú ý đến đặc điểm quá trình thụ đắc ngôn ngữ của người Việt cùng với hiện tượng giao thoa ngôn ngữ, và dự kiến trước những lỗi (hay sự chệch chuẩn) mà người Việt học tiếng Hàn có thể mắc phải do sự khác biệt về hệ thống âm vị, các qui luật biến đổi ngữ âm, hệ thống hình thái và cú pháp tiếng Hàn so với tiếng Việt.

Trong bài này chúng tôi muốn đề cập đến sự khác biệt của hệ thống âm vị tiếng Hàn và tiếng Việt từ đó dự kiến tiềm năng giao thoa ngôn ngữ ở cấp độ ngữ âm-âm vị học, biểu hiện qua những lỗi phát âm của người Việt học tiếng Hàn. Điều này góp phần cho các giáo viên giảng dạy tiếng Hàn quan tâm hơn đến hiện tượng giao thoa ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy cho đối tượng là người Việt về mặt ngữ âm.

3. Hệ thống âm vị tiếng Hàn và dự kiến những lỗi phát âm do hiện tượng giao thoa ngôn ngữ ở cấp độ ngữ âm-âm vị học :

Để khắc phục hiện tượng giao thoa ở cấp độ ngữ âm-âm vị học có thể xảy ra khi người Việt học tiếng Hàn, trước hết cần hiểu rõ hệ thống âm vị tiếng Hàn và tiếng Việt.

3.1 So sánh hệ thống nguyên âm tiếng Hàn và tiếng Việt và dự kiến những tiềm năng giao thoa:

Các nguyên âm tiếng Hàn được biểu diễn trong Bảng 1, các phụ âm trong Bảng 3. (Các bảng nguyên âm và phụ âm tiếng Hàn trong bài chúng tôi dẫn lại của NAM- KIL KIM, 1992)

Bảng 1. Các âm vị nguyên âm đơn tiếng Hàn

	Trước		Sau	
	Không tròn môi	Tròn môi	Không tròn môi	Tròn môi
Cao	i	ü	ĩ	u
Trung bình	e	ö	ə	o
Thấp			a	

Bảng 2 : Các âm vị nguyên âm tiếng Việt :

Vị trí của lưỡi / Độ mở	Trước	Giữa	Sau
Hẹp	i (i, y)	ɯ (u)	u (u)
Hẹp vừa	ie (iê, ia, yê, ya)	ɯʏ (ươ, ưa)	uo (uô, ua)
Trung bình	e (ê)	ʏ, ỹ (ơ, â)	o (ô)
Rộng	ɛ (e, a)	a, ă (a, ă)	ɔ (o)

So sánh hệ thống nguyên âm tiếng Hàn với hệ thống nguyên âm tiếng Việt, chúng ta nhận thấy rằng, tiếng Hàn có sự đối lập giữa nguyên âm không tròn môi và tròn môi dòng trước, trong khi tiếng Việt không có đối lập này. Vì vậy, người Việt học tiếng Hàn sẽ gặp khó khăn và nhất định sẽ rất khó phát âm đúng nguyên âm dòng trước tròn môi / ü / và / ö /. Có khả năng các nguyên âm này sẽ được phát âm giống như các tổ hợp nguyên âm tiếng Việt [uy], hoặc [uê] . Cách phát âm cuối cùng (uê) dễ nhầm lẫn với phát âm nguyên âm đôi tiếng Hàn [we]. Các nguyên âm dòng sau không tròn môi trong tiếng Hàn sẽ được phát âm giống như những nguyên âm gần giống trong tiếng Việt (nguyên âm / ə / tiếng Hàn sẽ được phát âm thành / ʏ / (ơ) còn /ü/ tiếng Hàn sẽ được phát âm thành / u / (ư). Vì vậy, giáo viên cần đặc biệt lưu ý luyện tập cho học viên phát âm 4 nguyên âm nêu trên và sửa lỗi cho họ.

Cần chú ý đến phát âm *nguyên âm đôi* trong 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Hàn. Nguyên âm đôi là tổ hợp hai nguyên âm được phát âm thành một âm tiết. Xét theo

vị trí so với đỉnh âm tiết, người ta phân nguyên âm đôi thành loại *đi xuống* (nguyên âm làm đỉnh âm tiết đi trước một nguyên âm phụ), *đi lên* (đỉnh âm tiết ở nguyên âm thứ hai) và loại *cân bằng* (trong đó không phân biệt nguyên âm nào là đỉnh). Có thể lấy các nguyên âm đôi tiếng Việt *iê, ia, yê, ya, ua, uơ, ư, ui, ôi, oi, ưi, ơi, ây, ao, au, ươ, iu, êu, eo, ươ* làm ví dụ cho các nguyên âm đôi đi xuống. Các nguyên âm đôi đi lên cũng có trong tiếng Việt như *oa, uê, uy, oe* v.v.. Trong tiếng Việt không có nguyên âm đôi cân bằng .

Trong một số trường hợp, các nguyên đôi được coi là tổ hợp của hai âm vị nguyên âm (nguyên âm đôi ngữ âm học) trong những trường hợp khác lại có giá trị như một âm vị đơn (nguyên âm đôi âm vị học). Trong tiếng Việt (Hà Nội) có ba nguyên âm đôi âm vị học là / ie, uơ , uo / và nhiều nguyên âm đôi ngữ âm học do sự kết hợp giữa bán nguyên âm làm âm đệm (và các bán nguyên âm là âm cuối) với các nguyên âm là âm chính .

Trong tiếng Hàn có 2 loại nguyên âm đôi đi lên mà yếu tố thứ nhất là một bán nguyên âm làm âm đệm trong âm tiết , thường được các nhà nghiên cứu phiên âm là [j] hoặc [w] và yếu tố thứ hai là các nguyên âm khác đồng với yếu tố đầu. Trong đó, loạt có [j] đi trước, ví dụ: [ja], [jɔ], [jo], [ju], [jɛ], [je] không có tương ứng trong tiếng Việt. Vì vậy, học viên cần được luyện tập để phát âm đúng.

3.1 So sánh hệ thống phụ âm đầu âm tiết tiếng Hàn và tiếng Việt và dự kiến những tiềm năng giao thoa:

Bảng 3. Các âm vị Phụ âm tiếng Hàn

	Âm môi	Âm răng	Âm vòm cứng <small>(lưỡi phía trên)</small>	Âm vòm mềm <small>(lưỡi phía sau)</small>	Âm tắc thanh hầu
Âm tắc					
Âm lời	p	t	c	k	
Bật hơi	p ^h	t ^h	c ^h	k ^h	
Âm căng	p'	t'	c'	k'	
Phụ âm xát					
Lời		s			h
Căng		s'			
Âm mũi	m	n		ŋ	
Âm nước		l			
Bán nguyên					

âm	w	y		
----	---	---	--	--

Bảng 4 : Các âm vị phụ âm đầu tiếng Việt

Phương thức cấu âm		vị trí cấu âm	môi	lưỡi trước		lưỡi giữa	lưỡi sau	thanh hầu
				đầu lưỡi	cong lưỡi			
ồn	tắc	vô thanh	(p)	t ^h	t	c	k	ʔ
		hữu thanh		t				
	xát	vô thanh	f	s	ʃ	ʃ	x	h
		hữu thanh	v	z	ʒ	ʒ		
vang	tắc (mũi)		m	n		ɲ	ŋ	
	xát (không mũi)			l				

So sánh hệ thống phụ âm tiếng Hàn với hệ thống phụ âm đầu tiếng Việt, ta thấy: trong các phụ âm tắc và xát tiếng Hàn có sự đối lập giữa loạt phụ âm căng với loạt phụ âm lỏng và phụ âm tắc bật hơi, trong khi tiếng Việt không có thể đối lập này. Thay vào đó, tiếng Việt có đối lập giữa phụ âm tắc hữu thanh và vô thanh. Vì vậy, người Việt học tiếng Hàn sẽ rất khó phát âm phân biệt :

- giữa các phụ âm [p], [p^h] và [p']
- giữa các phụ âm [t], [t^h] và [t']
- giữa các phụ âm [c], [c^h] và [c']
- giữa các phụ âm [k], [k^h] và [k']
- giữa các phụ âm [s], [s^h] và [s']

Dự kiến người Việt sẽ phạm lỗi do phát âm đập nhập loạt phụ âm tắc, lỏng của tiếng Hàn với phụ âm tắc hữu thanh tiếng Việt. Tức là phát âm [p] tiếng Hàn thành [b], và phát âm [t] tiếng Hàn thành [d] (đ). Trong tiếng Hàn có qui luật chuyển đổi các phụ âm tắc vô thanh, lỏng [p, t, c, k] thành âm hữu thanh [b, d, j, g] khi chúng xuất hiện giữa hai âm hữu thanh: ví dụ, *aka* ('em bé') trở thành [aga]. Qui luật này sẽ làm cho học viên người Việt cảm thấy tự tin khi phát âm sai các phụ âm lỏng tiếng Hàn thành các phụ âm hữu thanh.

Còn ba phụ âm [c], [c^h] và [c'] tiếng Hàn sẽ phát âm thành một phụ âm, giống như [c] (ch) tiếng Việt (vì trong tiếng Việt không có hai phụ âm căng và bật

hơi mặt lưỡi giữa). Hai phụ âm sát căng và lơ trong tiếng Hàn có thể phát âm thành một phụ âm, như [s] tiếng Việt. Hoặc phụ âm lơ tiếng Hàn sẽ phát âm thành [z], còn phụ âm căng tiếng Hàn sẽ phát âm thành [s].

Tiếng Hàn có loạt phụ âm bật hơi gồm 4 phụ âm [p^h, t^h, c^h, k^h], trong khi tiếng Việt hiện đại chỉ có một phụ âm bật hơi [t^h]. Vì vậy, người Việt sẽ thường mắc lỗi khi phát âm các phụ âm bật hơi khác trong tiếng Hàn theo xu hướng sau đây: [p^h] (tiếng Hàn) được phát âm thành [f]; [c^h] (tiếng Hàn) được phát âm thành [c] - một phụ âm tắc, mặt lưỡi giữa, vô thanh trong phát âm Sài Gòn và phụ âm tắc - sát [ts] trong phát âm Hà Nội; [k^h] (tiếng Hàn) được phát âm thành [X] (kh) - một phụ âm sát, mặt lưỡi sau, vô thanh (xem bảng Phụ âm đầu tiếng Việt).

Trong tiếng Việt, các phụ âm cuối âm tiết là những phụ âm khép, không bật ra. Vì vậy, thói quen này sẽ được người Việt áp đặt cho các âm cuối âm tiết tiếng Hàn. Đặc biệt là sau các nguyên âm dòng sau tròn môi u, ô, o, phụ âm cuối [ŋ, k] tiếng Việt sẽ phát âm ngậm miệng (âm môi-mạc). Vì vậy, học viên Việt Nam sẽ phát âm [ŋ], [k] tiếng Hàn thành các phụ âm môi-mạc khi gặp các vần tương tự trong tiếng Hàn.

Tiếng Hàn có 7 phụ âm xuất hiện ở cuối âm tiết là [-m, -n, -ŋ, -p, -t, -k] và [-l]. Trong tiếng Việt, phụ âm [l] chỉ xuất hiện ở đầu âm tiết. Vì vậy, lỗi phát âm có thể dự kiến là học viên người Việt học tiếng Hàn có thể sẽ phát âm phụ âm cuối tiếng Hàn [-l] thành [-n], là một phụ âm vang, cùng vị trí cấu âm.

Ngoài ra, trong tiếng Hàn có một số hiện tượng biến đổi hình -âm vị học, ví dụ như *đồng hoá nguyên âm, tạo thành âm lướt, rút gọn nguyên âm, loại bỏ nguyên âm, trung hoà hoá các âm tắc, rút gọn cụm âm, mũi hoá các phụ âm tắc vô thanh, căng hoá các phụ âm lơ v.v...*

Một vài ví dụ:

(a) Đồng hoá nguyên âm. Khi hậu tố bắt đầu bằng ə được gắn vào gốc động từ, nguyên âm của hậu tố chuyển thành a sau a o:

(1) k'ak' - əsə (cắt) → [k'ak'-asə]

(b) Tạo thành âm lướt. Nguyên âm i trở thành y, và u o trở thành w, khi chúng đứng ngay trước ə a của hậu tố, ví dụ nguyên thể - ə và liên hợp - əsə 'và':

(2) ki-ə (bò, trườn) → [kyə]

tu- əsə (rời khỏi) → [twəsə]

po-asə (nhìn) → [pwasə]

(c) Rút gọn nguyên âm. Khi gốc động từ kết hợp với hậu tố, o i ə a rút gọn i theo sau đó.

- (3) o-i → [ö]: po-i-ta (được thấy) → [pöta]
 (4) ə-i → [e]: sə-iu-ta (nâng lên) → [seuta]
 (5) a-i → [æ]: ca-iu-ta (làm cho ngủ) → [cæuta]
 (6) u-i → [ü]: pak'u-i-ta (bị thay đổi) → [pak' üta]

(d) Mũi hóa các phụ âm tắc vô thanh. Các âm tắc được trung hòa là [p t k] trở thành [m n ŋ] trước các âm mũi:

- (7) cəp-nün-ta (gấp, xếp) → [cəmnünta]
 tat-nün-ta (đóng) → [tannünta]
 kukmul (món súp) → [kuŋmul]

v.v... (xem KIM, NAM-KIL, 1992)

Thông thường, một hình thức phát âm có thể bao gồm nhiều hơn một quá trình biến đổi trên đây:

- (8) pækli (một trăm dặm TQ) → [pækni] → [pæŋni]
 suəplyo (học phí) → [suəpnyo] → [suəmnyo]

Những qui luật biến đổi hình -âm vị học này rất phong phú trong tiếng Hàn, làm cho học viên người Việt khó nắm vững ngay, vì vậy giáo viên cần lưu ý để giúp học viên sửa lỗi phát âm trong những trường hợp trên.

Từ những phân tích trên đây, có thể đi đến một số nhận xét sau :

1) Hiện tượng giao thoa ngôn ngữ ở cấp độ ngữ âm-âm vị học xảy ra khi người Việt học hay sử dụng tiếng Hàn có thể do hai nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nguyên nhân khách quan của giao thoa là do sự không đồng nhất về cấu trúc của hai hệ thống âm vị trong hai ngôn ngữ, cụ thể là sự khác biệt về thành phần âm vị, các thể đối lập bên trong hệ thống và các nét khu biệt của từng âm vị cụ thể, các qui luật biến đổi ngữ âm trong những bối cảnh ngữ âm, từ vựng khác nhau. Nguyên nhân chủ quan của giao thoa là do mức độ hiểu biết về ngôn ngữ đích còn thấp và phụ thuộc vào năng lực ngôn ngữ của mỗi cá nhân. Như vậy, nguyên nhân thứ nhất mang tính ngôn ngữ học, nguyên nhân thứ hai mang tính tâm lí học (xem Lê Đức Trọng, 2002).

2). Các công trình nghiên cứu so sánh, đối chiếu và tiếp xúc ngôn ngữ cho thấy hiện tượng giao thoa ngôn ngữ không những biểu hiện ở cấp độ ngữ âm -âm vị học mà còn biểu hiện ở mọi cấp độ khác của ngôn ngữ : từ vựng-ngữ nghĩa, hình thái, cú pháp. Vì vậy, một giáo viên dạy tiếng Hàn cho người Việt không chỉ cần hiểu biết tiếng Hàn sâu sắc về mặt lý thuyết , có kỹ năng thực hành ngôn ngữ Hàn mà còn cần biết rõ những tương đồng ,khác biệt giữa tiếng Hàn và tiếng Việt để phát

hiện tiềm năng giao thoa, là nguyên nhân tạo nên các kiểu lỗi khác nhau nhằm tìm cách giúp người học nhanh chóng khắc phục .

3) .Trong chương trình học tập của sinh viên Khoa Đông phương có môn *Tiếng Việt và các ngôn ngữ phương Đông* . Rất cần đưa các kiến thức về *Loại hình các ngôn ngữ* (đặc biệt là Loại hình học so sánh tiếng Việt và tiếng Hoa, Nhật, Hàn...) vào môn học này để trang bị kiến thức đại cương về ngôn ngữ học cho sinh viên, và cần hướng dẫn sinh viên làm các bài tập, các đề tài nghiên cứu so sánh đối chiếu các vấn đề cụ thể về ngữ âm, từ vựng-ngữ nghĩa, hình thái ,cú pháp ... giữa tiếng Việt và ngoại ngữ chuyên ngành để sinh viên hiểu sâu sắc hơn đặc điểm của ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đích mà mình muốn sử dụng thành thạo. Từ đó, sinh viên có ý thức khắc phục các lỗi do giao thoa ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

KIM,NAM-KIL .1984. *The grammar of Korean complementation*. Honolulu: Center for Korean Studies.University of Hawaii.

KIM,NAM-KIL. 1992 . *Korean* . In *International Encyclopedia of Linguistics*, volume 2 , edited by William Bright , pp.282-286. New York & Oxford : Oxford University Press.

ROBERT B. KAPLAN & HENRY G. WIDDOWSON.1992. *Applied Linguistic: An Overview*. In *International Encyclopedia of Linguistics*, volume 1 , edited by William Bright , pp. 77-80, New York & Oxford : Oxford University Press.

ĐINH LÊ THỨ- NGUYỄN VĂN HUỆ , 1988. *Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt*. NXB. Giáo dục.

LÊ ĐỨC TRỌNG. 2002. *Hiện tượng giao thoa từ vựng-ngữ nghĩa trong tiếp xúc hai ngôn ngữ (trên ngữ liệu tiếng Việt và tiếng Nga*. Trong *Khoa học xã hội và nhân văn trong bối cảnh hội nhập quốc tế* , tr 278-282. NXB. TP. HCM.

NGUYỄN VĂN KHANG .1999. *Ngôn ngữ học xã hội,những vấn đề cơ bản*. NXB.Khoa học xã hội.

TÓM TẮT BÁO CÁO:

GIAO THOA NGÔN NGỮ - VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI DẠY VÀ HỌC TIẾNG HÀN

(trường hợp giao thoa ngôn ngữ ở cấp độ ngữ âm-âm vị học)

Đình Lê Thu

Giao thoa ngôn ngữ là hiện tượng chệch khỏi chuẩn mực của một ngôn ngữ nào đó trong lời nói của người song ngữ. Hiện tượng chệch chuẩn này do sự ảnh hưởng và xâm nhập lẫn nhau giữa các cấp độ của hai hệ thống ngôn ngữ (âm vị, từ vựng - ngữ nghĩa, hình thái, cú pháp), đặc biệt là ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ lên ngôn ngữ thứ hai. Như vậy, hiện tượng giao thoa đóng vai trò quan trọng trong việc thụ đắc ngôn ngữ của người học và cũng là nguyên nhân gây ra các lỗi khi sử dụng ngoại ngữ.

Trong bài này chúng tôi đề cập đến sự khác biệt của hệ thống âm vị tiếng Hàn và tiếng Việt từ đó dự kiến tiềm năng giao thoa ngôn ngữ ở cấp độ ngữ âm-âm vị học, biểu hiện qua những lỗi phát âm của người Việt học tiếng Hàn. Điều này góp phần cho các giáo viên giảng dạy tiếng Hàn quan tâm hơn đến hiện tượng giao thoa ngôn ngữ trong quá trình giảng dạy cho đối tượng là người Việt về mặt ngữ âm.

Abstract

LANGUAGE INTERFERENCE - MATTERS OF CONCERN IN TEACHING AND LEARNING THE KOREAN LANGUAGE

(Language interference on phonetic-phonology level)

Dinh Le Thu

Language interference is the phenomenon of *going off the standard of a certain language in a bilingual's speech*. This results from the mutual influence and integration among levels of the two language systems (phonemes, morphemes, vocabulary, semantics, syntax), especially the influence of the native language on the second one. Therefore, language interference plays an important role in the learner's acquiring of a language, and also results in mistakes when using a foreign language.

This paper focuses on the differences between the phonemic systems of Korean and Vietnamese to foresee the potential language interference on the phonetic-phonology level shown by the pronunciation mistakes of Vietnamese learning Korean. This helps teachers of the Korean language pay closer attention to language interference in their teaching for Vietnamese people phonetically speaking.